TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **91**/2024/DS-PT

Ngày: 31-01- 2024

V/v tranh chấp *"Thực hiện nghĩa vụ của hợp đồng"*.

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Hải

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Đạt

Bà Nguyễn Thanh Nhàn

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Tấn Đạt - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Cẩm Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2024, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 520/2023/TLPT-DS ngày 13 tháng 12 năm 2023 về việc tranh chấp *"Thực hiện nghĩa vụ của hợp đồng"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 162/2023/DS-ST ngày 11 tháng 7 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1088/2023/QĐ-PT ngày 19 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Lê Trọng Đ**, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Ấp D, xã P, huyện G, Tiền Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền: Anh **Lê Trường X**, sinh năm 1991 (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố H, thị trấn T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: **Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T1 (Viết tắt: Công ty TNHH MTV T1)**

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Châu Văn Đ1** - Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng: Ông **Nguyễn Phước T**, sinh năm 1962 (có mặt)

Địa chỉ: Số B Quốc lộ A, khu phố B, phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang, theo giấy ủy quyền số 57 ngày 07/12/2021.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cho bị đơn: Luật sư **Nguyễn Trà Duy L** thuộc Công ty L4 - Đoàn Luật sư tỉnh T (có mặt).

3. Người làm chứng:

3.1. Anh Phạm Trọng K, sinh năm 1991 (có mặt)

Địa chỉ: Số B Quốc lộ A, khu phố B, phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3.2. Bà Lê Thị N, sinh năm 1967 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp D, xã P, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

4. Người kháng cáo: bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm:

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lê Trọng Đ và đại diện ủy quyền của nguyên đơn là anh Lê Trường X trình bày:*

Vào tháng 6 năm 2020, đơn vị thi công công trình nạo vét kênh cống L đã tiến hành mời họp dân lấy ý kiến về việc xử lý bùn thải trong quá trình thi công. Trong đó, ông Đ đại diện hộ cũng được mời tham gia vì gia đình ông có phần đất ao cặp kênh với diện tích qua đo đạc thực tế là 1.209m² thuộc thửa số 6, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại ấp D, xã P, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận số CD922207 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện G cập nhật chỉnh lý biến động cấp cho hộ ông Lê Trọng Đ vào ngày 07/7/2018. Đơn vị thi công liên danh gồm công ty TNHH MTV T1 và công ty TNHH MTV H1; đứng đầu là công ty TNHH MTV T1 đã vận động và thỏa thuận miệng với ông về việc bỏ đất bùn thải vào phần đất ao của ông. Cụ thể:

- Đơn vị thi công có lượng bùn thải rất lớn từ việc nạo vét kênh, sông cần phải xử lý nên đã hợp đồng với ông là sẽ xử lý bỏ vào ao nhà ông (ao giáp sông L). Ông đồng ý cho đơn vị thi công xả bùn thải vào ao, không thu tiền đơn vị thi công, tự chịu trách nhiệm về phần thiệt hại (nếu có) trong quá trình bỏ đất thải và phải thực hiện các nghĩa vụ cũng như hỗ trợ đơn vị thi công xả thải bùn vào ao.

- Đơn vị thi công phải xử lý đất bùn thải đầy mặt ao bằng với mặt đất gò trồng cây còn lại của thửa. Sự việc trên đã được họp và báo cáo với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh T trước sự chứng kiến của nhiều hộ dân, đại diện Ủy ban nhân dân xã P, đại diện Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện G tại quán ăn Q tọa lạc ấp D, xã P (quán do bà Nguyễn Thị L1 làm chủ).

Trong quá trình thi công, anh Phạm Trọng K chỉ đạo thi công đã nhiều lần trao đổi với ông Đ về việc thực hiện xả bùn thải và anh đã 02 lần yêu cầu ông thu hoạch cá, tôm trước thời hạn để cho công ty thực hiện việc xả thải đất bùn vào ao. Ông đã thực hiện đúng nghĩa vụ đã thỏa thuận nêu trên để Công ty

TNHH MTV T1 thực hiện thi công. Cụ thể: ông đã thu hoạch tôm, cá (do khi đó hiện trạng ao nhà của ông đang nuôi cá, tôm) trước thời hạn, chấp nhận thiệt hại để công ty thi công và ông đã tháo dỡ hàng rào, mở mương thoát nước thải để tránh tràn nước trong ao vào đất sản xuất của các hộ lân cận. Tuy nhiên, anh K chỉ thực hiện xả thải bùn (từ việc nạo vét kênh cống L) 02 lần vào ao của ông được khoảng 1/10 khối lượng ao thì ngưng và chuyển sang bơm vào ao của ông Lương Văn L2 (ao đối diện qua kênh với ao của ông). Ông nhiều lần liên hệ và yêu cầu anh K tiếp tục thực hiện bơm bùn vào ao nhà ông cho đầy đúng như thỏa thuận nhưng anh K hứa hẹn nhiều lần nên ông đã báo sự việc với chính quyền địa phương là trưởng ấp D, xã P. Đến ngày 30/10/2020, ông biết công trình đã được nghiệm thu nhưng công ty vẫn không thực hiện nghĩa vụ lấp đầy ao của ông như đã thỏa thuận nên ông có liên hệ với anh K và có gửi đơn đến các cơ quan ban ngành có liên quan nhưng không nhận được sự hỗ trợ, giải quyết.

Hiện tại việc bơm 1/10 lượng đất bùn vào ao của ông đã làm nhiễm phèn, mặn cho ao và không sử dụng được; do công ty TNHH MTV T1 không thực hiện đúng thỏa thuận, gây thiệt hại cho ông nên ông khởi kiện công ty TNHH MTV T1.

- Tại đơn khởi kiện ngày 25/3/2021, ông Đ yêu cầu:

1. Công ty TNHH MTV T1 có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện hợp đồng đã thỏa thuận là lấp đầy ao của ông với khối lượng 40m x 40m x 3m = 4.800 m^3 đất, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Trường hợp công ty không tiếp tục thực hiện việc san lấp thì phải bồi thường toàn bộ chi phí san lấp theo đơn giá hiện tại của mỗi m^3 đất là 60.000 đồng với tổng số tiền là 288.000.000 đồng, thực hiện 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

** Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện ủy quyền của bị đơn là ông Nguyễn Phước T trình bày:*

- Tại Biên bản hòa giải ngày 07/12/2021, ông T trình bày: Công trình S khởi công ngày 29/7/2020, thời điểm thực hiện công trình này, công ty TNHH MTV T1 được Ban Q1 chỉ định thầu, không có liên kết với công ty khác. Khi đó, ngoài việc thỏa thuận với hộ ông Đ thì công ty còn thỏa thuận sử dụng bãi chứa của 02 hộ dân khác đó là hộ ông Nguyễn Văn S và hộ ông Lê Hùng L3 (chồng bà Nguyễn Thị L1). Tuy nhiên, quá trình thi công do số lượng bùn rất ít không đủ lấp đầy ao của 03 hộ như thỏa thuận. Công ty có bơm bùn vào ao hộ Lương Văn L2 (đối diện ao của hộ ông Đ) như ông Đ trình bày do công ty sử dụng lối đi qua đất hộ ông L2 để cho máy móc vào đường lớn di chuyển về M. Lúc đem máy móc xuống thi công công trình này thì đi bằng đường sông, phải chui qua gầm cầu gây mất nhiều thời gian nên anh Phạm Trọng K - quản lý công trình này quyết định sử dụng lối đi qua đất hộ ông L2. Công ty TNHH MTV T1 sẽ tiếp tục bơm bùn lấp đầy ao hộ ông Đ theo yêu cầu của ông Đ và trong tháng 12/2021 sẽ hoàn thành.

- Tại phiên tòa, ông T trình bày: Công trình S khởi công ngày 29/7/2020, thời điểm thực hiện công trình này, công ty TNHH MTV T1 được Ban Q1 chỉ định thầu, không có liên kết với công ty khác. Khi đó, bãi chứa hộ ông Đ là do địa phương đề xuất và công ty H2 không có thỏa thuận việc bơm thải bùn vào đầy ao hộ ông Đ như ông Đ trình bày. Chứng cứ là nội dung Biên bản v/v thống nhất mặt bằng bãi chứa đất nạo vét kênh S ngày 29/7/2020 mà bị đơn đã cung cấp cho Tòa án. Đồng thời, Công văn số 32/BQLDANN ngày 16/01/2023 của Ban Q1 và Biên bản ngày 15/12/2022 với sự tham dự của đại diện Ban Q1, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện G và Công ty TNHH MTV T1 cũng đều xác định: "Theo biên bản ngày 29/7/2020, các bên chỉ thống nhất vị trí bãi chứa hộ ông Lê Trọng Đ diện tích khoảng 1.000m² (hiện trạng là ao, đầm). Qua khảo sát, các bên có ý kiến là đổ đất vào bãi của ông Đ, do ao đầm sâu nên đất đổ tràn đến đâu và được bao nhiêu hay bấy nhiêu và hết khả năng do thiết bị không thể vào sâu được và không thể chứa đầy hiện trạng xung quanh được và hiện bãi chứa trong thời điểm thi công là không còn chứa được do sợ ảnh hưởng đến bờ kênh gây sạt lở.". Sau phiên họp ngày 07/12/2021, công ty có đem máy móc để nạo vét đất bùn ở vị trí kênh gần ao nhà hộ ông Đ để tiếp tục bơm bùn vào ao hộ ông Đ nhưng quá trình thi công do các hộ dân gần đó cản trở nên đến nay không thực hiện được.

Hiện công trình đã được nghiệm thu và do thiết kế công trình ngay vị trí ao ông Đ là không thể lấp đầy theo Biên bản ngày 29/7/2020 nêu trên; hơn nữa công ty chỉ hứa với ông Đ là bơm được bao nhiêu thì hay bấy nhiêu chứ không có thỏa thuận gì khác với ông Đ nên nay công ty không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Đ. Ngoài ra, công ty không đồng ý với công san lấp đất do Hội đồng định giá xác định tại Biên bản định giá ngày 04/02/2023 vì đất bùn từ việc nạo vét kênh bao gồm đất bùn, nước, rác thải, … sẽ không có giá 120.000 đồng/m³ nên công ty xác định đơn giá san lấp đối với loại đất bùn là 17.843 đồng/m³.

** Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người làm chứng là anh Phạm Trọng K trình bày:* Anh thống nhất với ý kiến nêu trên của ông T.

Bản án dân sự sơ thẩm số 162/2023/DS-ST ngày 11 tháng 7 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang, đã áp dụng:

- Điều 275, Điều 276, khoản 1 Điều 351, Điều 352 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 156 và khoản 1 Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Trọng Đ. Buộc Công ty TNHH MTV T1 bồi thường cho ông Đ chi phí san lấp ao với số tiền là 168.582.960 đồng (Một trăm sáu mươi tám triệu năm trăm tám mươi hai nghìn chín trăm sáu mươi đồng), thực hiện 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Trọng Đ về việc yêu cầu Công ty TNHH MTV T1 bồi thường chi phí san lấp ao với số tiền là 48.166.560 đồng.

3. Về chi phí tố tụng: Công ty TNHH MTV T1 có nghĩa vụ hoàn lại ông Lê Trọng Đ số tiền 3.960.677 đồng (Ba triệu chín trăm sáu mươi nghìn sáu trăm bảy mươi bảy đồng), thực hiện 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

* Ngày 26 tháng 7 năm 2023, bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T1 kháng cáo yêu cầu không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thỏa thuận của các đương sự, áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Đây là quan hệ tranh chấp về "*Thực hiện nghĩa vụ của hợp đồng*", quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự . Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Xét đơn kháng cáo của bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T1 là đúng theo quy định tại điều 270 Bộ luật Tố tụng dân sự. Thời hạn kháng cáo đúng theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Lê Trọng Đ có người đại diện theo uỷ quyền là anh Lê Trường X và bị đơn Công ty TNHH MTV T1 có người đại diện theo uỷ quyền ông Nguyễn Phước T thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Cụ thể, Công ty TNHH MTV T1 đồng ý bơm bùn cho ông Lê Trọng Đ phần ao có diện tích 1.209m² thuộc thửa số 6, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại ấp D, xã P, huyện G, tỉnh Tiền Giang với khối lượng đất bùn là 2.006,94 m³ trong thời hạn 01 tháng 15 ngày tính từ ngày 31/01/2024.

Nếu Công ty TNHH MTV T1 không thực hiện, Công ty TNHH MTV T1 phải trả cho ông Lê Trọng Đ số tiền 168.582.960 đồng (Một trăm sáu mươi tám triệu năm trăm tám mươi hai nghìn chín trăm sáu mươi đồng).

Xét việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp phía bị đơn là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Công ty TNHH MTV T1 phải nộp án phí dân sự phúc thẩm theo quy định Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 275, Điều 276, khoản 1 Điều 351, Điều 352 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 156 và khoản 1 Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 26, khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa nguyên đơn ông Lê Trọng Đ có người đại diện theo uỷ quyền là anh Lê Trường X và bị đơn Công ty TNHH MTV T1 có người đại diện theo uỷ quyền ông Nguyễn Phước T tại phiên tòa phúc thẩm. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 162/2023/DS-ST ngày 11 tháng 7 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Công ty TNHH MTV T1 đồng ý bơm bùn cho ông Lê Trọng Đ phần ao có diện tích 1.209m² thuộc thửa số 6, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại ấp D, xã P,

huyện G, tỉnh Tiền Giang với khối lượng đất bùn là 2.006,94 m^3 trong thời hạn 01 tháng 15 ngày tính từ ngày 31/01/2024.

- Nếu công ty TNHH MTV T1 không thực hiện việc bơm bùn cho ông Lê Trọng Đ khi hết thời hạn 01 tháng 15 ngày tính từ ngày 31/01/2024, công ty TNHH MTV T1 phải trả cho ông Lê Trọng Đ số tiền 168.582.960 đồng (Một trăm sáu mươi tám triệu năm trăm tám mươi hai nghìn chín trăm sáu mươi đồng).

2. Về chi phí tố tụng: Công ty TNHH MTV T1 có nghĩa vụ hoàn lại ông Lê Trọng Đ số tiền 3.960.677 đồng (Ba triệu chín trăm sáu mươi nghìn sáu trăm bảy mươi bảy đồng), thực hiện 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Lê Trọng Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. H lại cho ông Đ số tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp là 7.200.000 đồng (Bảy triệu hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0018587 ngày 30/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, Tiền Giang.

+ Công ty TNHH MTV T1 phải chịu 8.627.200 đồng (tám triệu sáu trăm hai mươi bảy nghìn hai trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Công ty TNHH MTV T1 chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà công ty đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0028904 ngày 26/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G nên Công ty TNHH MTV T1 đã nộp xong.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Công bố bản án trên cổng TTĐT;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Ngọc Hải